

QUESTIONNAIRE FOR O.D.P. APPLICANTS.

1. 000-000-000

Questionnaire for O.D.P. applicants

A. Basic Identification data

Dates :

March 5th 1990.

1. Name : DE NGUYEN CONG

2. Other name : DE NGUYEN CONG

3. Date/Place of birth : 10.04.1948 tại Quận IV Chợ Lớn

4. Residence address : K1/B74 Phường Hiệp Thành, TX
Thủ Đức Một, Tỉnh Sông-Bé.

5. Mailing address : K1/B74 Phường Hiệp Thành, TX.

Thủ Đức Một Tỉnh Sông Bé

6. Current occupation : Nông Dân

B. Relatives to accompany me :

(Note : your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you, list marital status (Ms) as follows : married (M), Divorced (D) widowed (W) for single (s)

.....

Names	Date of birth	Place of birth	Sex	MS	Relationship
-------	---------------	----------------	-----	----	--------------

-Phan-thị-Sống	:16.12.1953	:BinhDương	Nữ	Có gia đình	Vợ
----------------	-------------	------------	----	-------------	----

-Nguyễn-phương-Thủy	:14.5.1987	:Sông Bé	Nữ	còn nhỏ	con
---------------------	------------	----------	----	---------	-----

2-Nguyễn-thị-Nguyễn	:28.12.1989	:Sông Bé	Nữ	còn nhỏ	con
---------------------	-------------	----------	----	---------	-----

(Note : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married (if widowed) identification card (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section C below).

C. Relatives outside Vietnam

1. Closest relative in the U.S

a. Name : NGHI PHAM HOANG

b. Relationship : Em con đẻ ruột

c. Address : 2528 Sundae Lane, Dallas Texas 75252

2. Closest relative in other Foreign countries

a. Name : HUONG PHAM THI

b. Relationship : Em con đẻ ruột

c. Address : France

D. Complete family listing (living/dead)

	Name	Address
1. Father	Ng-văn-Dược (c)	
2. Mother	Trần-thị-Siem (s)	
3. Spouse	Phan-thị-Sống (s)	K1/B74 Phường Hiệp Thành, TX. TDM Sông-Bé
4. Former spouse (if any)	: không	-nt-

5. Children :

Ng-phuong-Thuy (s) -nt-
Ng-thao-Nguyen (s) -nt-

6. Siblings :

Ng cong Dac (s) Trưởng cấp II Chon Thinh
Song Be
Ng-t-ngoc-Diep (s) Chon Thinh Binh-Long SongBe
Ng-thi-Thu (s) Binh-Long - SongBe

E. Employment by U.S government agencies or other U.S organisation
of you or your spouse.

MO :
FM Service with G.V.N. or R.V.N.A.F by you or your spouse :

1. Name of person serving : DE NGUYEN CONG
service number : 68/143447
2. Dates : From 1968 To : 20.9.74
3. Last rank : 1 LT
4. Ministry/offices/Military unit
70th Bn Ranger KBC 8525
5. Name of supervisor / c.o :

MJor KHAI HOANG TRONG

6. Reason for leaving :

Theo chính sách của hai nước VN và Mỹ

7. Names of American Advisor (s)

8. U.S. Training courses in VN.

9. U.S Awards or certificates.

The Bronze star with 'V' Device.

(Note : Please attach any copies or diplomas, awards or certificates, if available. Available ? Yes

G. Reeducation of you or your spouse

1. Name of person in reeducation

DE. NGUYEN + CONG

2. Total time in reeducating

6 years 3 months

3. Still in reeducation : No

(If released, we must have a copy of your release certification)

H. Any Additional Remarks ?

Signature

Date

March 5 th 1990

I.I please list here all documents attached to this questionaire

--01 giấy ra trại

--02 CMND

--02 Khai sinh của con

01 hộ khẩu

01 Huy chương Hero Kỳ cấp

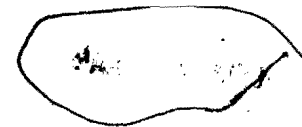
01 Hôn thú.



FROM: Nguyễn Công Đức
K1/B7A Hiệp Thành
TXDMM, Sông Bé.

17730

R137



TO: KHUC-MINH-THU
P.O. BOX. 5435 ARLING TO
VA. 22205-0635
U.S.A.

HS- 17. 730⁵

CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN CHỈ HUY AN NINH NHÂN DÂN

Số: 369

BIÊN NHẬN

Công An tỉnh Sông Bé (Tổ xuất cảnh) có nhận hồ sơ xin xuất cảnh đi nước ngoài về việc riêng của:

Ông, Bà Nguyễn Công Đức sinh năm 1948

Nghề nghiệp công nhân tại S/B

Thường trú K/B TP Huế Thượng - Thừa Thiên Huế

Đã xin x/cảnh đi nước ngoài

Số người xin đi 02

Sông Bé, ngày 22 tháng 12 năm 1987
Cán bộ nhận hồ sơ

[Signature]
Ngô Văn Cẩn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **242001**

Họ tên: **PHAN-THỊ-SÁNG**

Sinh ngày: **16-12-1953**

Nguyên quán: **Phủ-Hòa**

Thị-Đầu-Một-Sông-Bá

Nơi thường trú: **Phủ-Hòa**

Thị-Đầu-Một-Sông-Bá

Dân tộc: **Kinh** ... Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi Cl.5cm sau
dưới mắt phải

Ngày 21 tháng 09 năm 1979

CHIAM SON HOAC TRUONG TY CONG AN

PHO TRUONG TY

NGON TRAI
NGON PHAI

Trần Văn Thọ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **200365500**

Họ tên: **NGUYỄN CÔNG ĐỀ**

Sinh ngày: **10-05-1948**

Nguyên quán: **Hiệp Thành**

Thủ Dầu Một Sông Bé

Nơi thường trú: **Hiệp Thành**

T.X Thủ Dầu Một Sông Bé



Dân tộc: kinh

Tôn giáo: không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi C 0,5cm
trên sau cánh, mũi
phải

Ngày 18 tháng 06 năm 1982

CHIEU ĐOẶC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



Chi Thành

HỒ NỘI VỤ
HỒ TỶ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2555 ngày 21 tháng 11
năm 1973

Số 415/GRT

SHSLD : 0007.78.0781.2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 001-TC ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ
Thi hành án phạt quyết định tha số 1BNV/QĐ ngày 10 tháng 10 năm 1980

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Công Đức

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 1 tháng 1 năm 1944

Nơi sinh: Chiếm lĩnh, châu thành, Bình Dương

Nơi công tác: Ban chấp hành trung ương khi bị bắt

165/2 ấp 2 Chiếm lĩnh, châu thành, Sông Bé

Cán bộ: Trưởng ban chấp hành trung ương

Bị bắt ngày 10.1.1974 An phận: TĐQT

Theo quyết định, án phạt số 1BNV/QĐ ngày 10 tháng 10 năm 1978 của Bộ Nội Vụ

Đã bị tước quyền công dân năm 1978

Đã được giảm án năm 1978

Nay về 165/2 ấp 2 Chiếm lĩnh, châu thành, Sông Bé

Nhân xét quá trình cải tạo

Đã được: Chưa có biểu hiện xấu, tin tưởng vào sự
giác ngộ của đảng và nhà nước ta. Lao động có nhiều cố gắng
học hành công việc được giao nhưng chưa chịu khó học hỏi
để nâng cao tay nghề, vì vậy chất lượng công việc đạt chưa
cao. Một số lần bị bắt giam đã phạm sai lầm. Tiếp tục cải tạo

Lưu tay nguyên trạng
của Nguyễn Công Đức
Danh bạ 0375
Lập tại

Họ, tên chữ ký
nơi được cấp giấy

Ngày tháng năm 1980
Chức vụ
TRƯNG ỦY : Nguyễn Văn Nhân

C O M M E N D A T I O N

THE BRONZE STAR WITH "V" DEVICE

Approved for presentation by the United States Army for conspicuous gallantry in action against a hostile force during the period 26 September 1971 to 20 October 1971 is awarded to the following individuals.

TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG TRƯỚC TRUNG ĐOÀN

Được chấp thuận cấp tặng bởi Lục Quân Hoa Kỳ cho những hoạt động anh dũng chống lại quân thù từ 26 tháng 9 Năm 1971 đến 20 tháng 10 Năm 1971. Những quân nhân sau đây được cấp tặng.

TRẦN HỮU PHƯƠNG	1LT	68/120.202	30th Bn
ĐOÀN VĂN XƯƠNG	1LT	65/128.415	30th Bn
VŨ VĂN CÁT	CPL	61/111.012	5th Cp
NGUYỄN PHÁP AN	1LT	63/112.157	33rd Bn
HUỲNH VĂN GIAO	SGT	65/175.713	33rd Bn
NGUYỄN CÔNG ĐỆ	2LT	/143.447	38th Bn
NGÔ HỒNG HẢI	SPC	51/112.337	38th Bn
LÊ VĂN MINH	SGT	64/139.009	38th Bn
PHẠM VĂN TRÁC	SGT	59/200.684	Recon Co

2. THE ARMY COMMENDATION MEDAL WITH "V" DEVICE.

QUÂN PHÒNG BỘI TINH.

TRẦN TRẠI	SGT	63/128.415	30th Bn
KIỆU PHƯỚC LAM	SPC	66/159.801	30th Bn
NGUYỄN VĂN HOÀNG	SPC	71/120.420	30th Bn
HUỲNH BẮI	SPC	65/200.561	30th Bn
DƯƠNG VŨN	CPL	70/108.853	30th Bn
ĐẶNG VĂN XINH	CPL	68/127.350	30th Bn
NGUYỄN VĂN CỔ	PPC	72/135.099	30th Bn
NGUYỄN VĂN LONG	PPC	72/104.883	30th Bn
NGUYỄN VĂN VÀNG	SGT	65/175.713	33rd Bn
BÙI VĂN TIẾN	CPL	58/823.396	33rd Bn
LÊ VĂN NGÂN	1 CPL	70/108.326	33rd Bn
NGUYỄN VIỆT TỰ	CPL	70/112.796	38th Bn
PHẠM VĂN CHOI	PVT	71/135.001	38th Bn
TRẦN VĂN HỮU	1CPL	62/157.342	Recon Co.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ	
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

TỈNH SÔNG BÈ

Số: 005014 CN

Họ và tên chủ hộ: Phan Văn Sửu

Ấp, ngõ, số nhà: K1/B14 TĐ 101

Thị trấn, đường phố: Thị trấn Thủ Dầu Một

Xã, phường: Thủ Dầu Một

Ngày 01 tháng 12 năm 1984

Trưởng công an: Lê Văn Sửu

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Lê Văn Sửu

Số NK 3 06

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ									
Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Phan Văn Thúc	Chủ hộ	Nam	1910		Mất tích	20.10.75	Đã chết 09/01/80	
02	Phan Thị Liên	Vợ	Nữ	1919	2800.2535	Mất tích	20.10.75		
03	Nguyễn Công Tế	Con	Nam	1929		Làm ruộng	01.01.84		
04	Phan Văn Anh Hoàng	Con	Nam	1958			10.08.85		
05	Phan Thị Hằng	Con	Nữ	1953	260.222.079	giáo viên	24.09.86		
06	Nguyễn Thị Hằng	Con	Nữ	1967			25.05.87		

CHABANGNY

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường... Hiệp Thành
Huyện, Quận... TX. Thủ Dầu Một
Tỉnh, Thành phố... Sông Bè

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số: 02/90
Quyển số: 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THẢO NGUYỄN Nam hay nữ NỮ
Ngày, tháng, năm sinh 22.12.1989 (Ngày Hai Mười Tám, Tháng Mười Hai, Năm Một Ngàn Chín Trăm Tám Mươi Chín).
Nơi sinh Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Sông Bè
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>PHAN THỊ SÁNG</u>	<u>NGUYỄN CÔNG ĐỆ</u>
Tuổi	<u>1953(37 Tuổi)</u>	<u>1948(42 Tuổi)</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Giáo Viên</u>	<u>Công Nhân</u>
Nơi thường trú	<u>KI/B.74 Tổ 01 Hiệp Thành Thủ Dầu Một Tỉnh Sông Bè</u>	<u>KI/B.74 Tổ 01 Hiệp Thành Thủ Dầu Một Tỉnh Sông Bè</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

NGUYỄN CÔNG ĐỆ 42 Tuổi Thường Trú Tại KI/B.74 Tổ 01 Hiệp Thành

Thị Xã Thủ Dầu Một Tỉnh Sông Bè CMND Số: 280363519 Công An Sông Bè

Cấp Ngày 18.06.1990

Đăng ký ngày 05 tháng 01 năm 1990

Người đứng khai

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN Hiệp Thành

NGUYỄN CÔNG ĐỆ

Chủ Tịch

TRẦN VĂN BẰNG

(Đã ký)

(Đã ký và đóng dấu)



CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 05 tháng 01 năm 1990

T/M UBND Phường Hiệp Thành

ký tên, đóng dấu

Nguyễn Văn Bàng

Trần Văn Bàng

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Thị trấn

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận TDM

Ngày 24/7/1985

Tỉnh, Thành phố Sông Bé

Số 22

Quyển số 02

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Nguyễn Công Đức

Phạm Thị Hằng

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

15/5/1948

16/12/1953

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Công nhân

Giáo viên

Nơi đăng ký

Kết hôn

Phu thuộc

nhân khẩu

Thị trấn

Phu Hòa - TDM

thường trú

TDM Sông Bé

Sông Bé

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

280363519

280242079

Đăng ký ngày 24 tháng 7 năm 1985

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Thị trấn



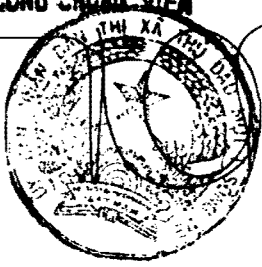
Nguyễn Công Đức

Phạm Thị Hằng



CHỨNG TỪNG SAO Y 85 *APASV 102*
THÀNH TÍCH ĐƯỢC TẶNG TẶNG 12
BỘ CÔNG AN VÀ CÔNG CHỨNG THỰC
BẢN SÁCH *phần 1/1*
46 Đường Lê Lợi, Hà Nội.

Ngày 16 tháng 7 năm 1960
CÔNG CHỨNG VIỆN



Handwritten signature

Đỗ Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, thị trấn Hiep Thanh
Thị xã, quận TDM
Thành phố, Tỉnh Đ. B.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT2/P3

SỐ: 403

Quên số: 02

GIẤY KHAI SANH

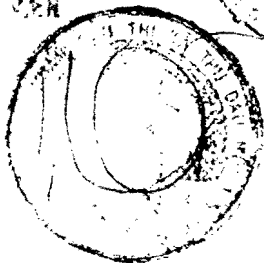
Họ và tên	<u>NGUYỄN PHƯƠNG TÂY</u>		Nam, nữ <u>N</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>Ngày mồng bốn tháng năm, năm một nghìn tám bảy (14/05/187)</u>		
Nơi sinh	<u>hẻm viên tiêu 1/B</u>		
Khai về Cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>NGUYỄN CÔNG HÈ</u> <u>1948</u>	<u>Phan Thị Lan</u> <u>1953</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	<u>Công nhân dệt lụa</u> <u>101/B 74 tổ 1 HT</u>	<u>giáo viên</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Công Hè 1948 101/B 74 tổ 1 HT</u> <u>phụ tá Thủ</u>		

Đăng ký ngày 21 tháng 01 năm 19 77

T.M.: U.B.N.D. Thị trấn Hiep Thanh ký tên đóng dấu

(Chữ rõ họ, tên, chức vụ)

Trần Văn Bàng



Long





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Cong De
Last Middle First

Current Address: K1/BT 4, P. Hiep Thanh, Thu Dau Mot, Song Be'

Date of Birth: 05/10/48 Place of Birth: Cho Lon

Previous Occupation (before 1975) 1 LT
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 09/10/74 To 12/9/80
Years: 6+ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

EXIT VISA # _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN CONG DE
Last Middle First

Current Address: K1/B74 T01 P. Hiep Thanh Thu dam st. Longbe

Date of Birth: 05.10.1948 Place of Birth: Binh duong

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 09.20.1974 To 12.09.1980
Years: 06 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN. THI. SANG		
NGUYEN PHUONG THUY		

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :

Nguyễn - công đề
sinh ngày 10-05-1948 Khẩu 9/68 Thúc
Ra trường 16-08-69 cấp bực chuẩn úy
Thước T Đoàn 38 BDR.

Bi bắt lần I ngày 02-05-72 tại
Quảng Trị và đưa đi Bắc
Tráo trả từ binh tháng 3/1973.

Tháng 3/73 → 08/73 ở Trại An
Đường Biên Hòa

Tháng 9/73 trở về Tiểu Đoàn 38 BDR
Tháng 12/1973 dời về TĐ 20/BDR
Tháng 9/74 bi bắt lần II và

đưa ra Bắc cải tạo
Được thả về 09/12/1980

Chứng minh HỒ

CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐAN CHẾ HUY AN NINH NHÂN DÂN

Số: 369

BIÊN NHẬN

Công An tỉnh Sông Bé (Tổ xuất cảnh) có nhận hồ sơ xin xuất cảnh đi nước ngoài về việc riêng của:

Ông, Bà Nguyễn Công Đức sinh năm 1948

Nghề nghiệp công nhân KN 3/2

Thường trú K1/B 74 Hiệp Thành Thủ

đầu phố Sông Bé

Số 51 xin cấp giấy đi nước ngoài

Số người xin đi 03

Sông Bé, ngày 20 tháng 12 năm 1989
Cán bộ nhận hồ sơ

Ngô Văn Cẩn

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo cơ cấu số 2545 ngày 21 tháng 11 năm 1973

Số 415/MT

Số: 0007.70.0781.2

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư 6964-Ly 3/11 ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thị trấn An Văn, quyết định tha số 1BNV/QĐ ngày 10 tháng 10 năm 1980

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, ghi rõ tên sau đây:

Họ, tên khai sinh N. Văn C. N. D.

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1940

Nơi sinh: Huyện Lập, xã Lập, Bình Dương

Nơi đăng ký tạm trú trước khi bị bắt

100/2 ấp 2 xã Lập, huyện Lập, Bình Dương

Cán bộ

Tội phạm

Theo quyết định của Bộ Nội vụ ngày 10 tháng 10 năm 1978 của Bộ Nội Vụ

Đã bị tạm giam tại Công an thành phố năm tháng

Đã được tạm giam tại Công an thành phố năm tháng

Nay vì số 100/2 ấp 2 xã Lập, huyện Lập, Bình Dương

Nhau có quá trình công tác

Đã được Bộ Nội vụ tha số 1BNV/QĐ ngày 10 tháng 10 năm 1980, tin tưởng vào sự tiến bộ của anh, có nhiều cố gắng học tập, rèn luyện, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Lưu tay

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Có

Nơi được cấp

Nơi, ngày tháng năm

Định

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

Lưu

Họ, tên, chức vụ

Nơi, ngày tháng năm

NATIONAL OFFICE
IMMIGRATION AND REFUGEE SERVICES
1312 MASS. AVE. N.W.
WASHINGTON D.C. 20-50
ATTN: U.S.A.

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

THE PURPOSE OF THIS FORM IS TO IDENTIFY PERSONS WHO ARE
OR WERE FORMERLY INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP IN VIETNAM
SO THAT ELIGIBILITY FOR US ADMISSION VIA THE ODP CAN BE
ESTABLISHED :

APPLICANT IN VIETNAM

NAME : DE NGUYEN - CONG SERVICE NUMBER : 68/143447

RANK : 1LT

FUNCTION : chief company (70th Bn K. BC #525)

CURRENT ADDRESS : K1/B7H T. 1. Phường Hiệp Thành
T. X. Tân Dân Mới, Tỉnh Sông Bé

DATE OF BIRTH : 10-05-1948

NAME OF ACCOMPANYING RELATIVE DEPENDANT :

SANG PHAN - THỊ

THUY NGUYEN - PHUONG

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP :

FROM : 20 - 9 - 1974

TO : 9 - 12 - 1980

SIGNATURE OF THE APPLICANT.

Nguyễn - Công - Đức

C I T A T I O N

THE BRONZE STAR WITH "V" DEVICE

Approved for presentation by the United States Army for conspicuous gallantry in action against a hostile force during the period 26 September 1971 to 20 October 1971 is awarded to the following individuals.

TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRANG TRƯỚC TRUNG ĐOÀN

Được chấp thuận cấp tặng bởi Lục Quân Hoa Kỳ cho những hoạt động anh dũng chống lại quân thù từ 26 Tháng 9 Năm 1971 đến 20 Tháng 10 Năm 1971. Những quân nhân sau đây được cấp tặng.

TRẦN HỮU PHƯƠNG	1LT	68/120.202	30th Bn
ĐOÀN VĂN XƯƠNG	1LT	65/128.415	30th Bn
VU VĂN CAT	CPT	61/115.012	5th Gp
NGUYỄN PHẠC AN	1LT	63/112.157	33rd Bn
HUYNH VĂN GIAO	SGT	65/175.713	33rd Bn
NGUYỄN CÔNG ĐỀ	2LT	68/143.447	38th Bn
NGÔ HỒNG HAI	SFC	51/112.337	38th Bn
LE VĂN MINH	SGT	64/139.009	38th Bn
PHẠM VĂN TRẠC	SGT	59/200.684	Recon Co

2. THE ARMY COMMENDATION MEDAL WITH "V" DEVICE.

QUÂN PHÒNG BỘI TÍNH.

TRẦN TRẠI	SGT	63/128.415	30th Bn
KIỀU PHƯỚC LAM	SFC	66/159.801	30th Bn
NGUYỄN VĂN HOÀNG	SFC	71/120.420	30th Bn
HUYNH BÀI	SFC	65/200.561	30th Bn
DƯƠNG VŨN	CPL	70/108.853	30th Bn
ĐẶNG VĂN XINH	CPL	68/127.350	30th Bn
NGUYỄN VĂN CỎ	PFC	72/135.099	30th Bn
NGUYỄN VĂN LONG	PFC	72/104.883	30th Bn
NGUYỄN VĂN VĂNG	SGT	65/175.713	33rd Bn
BUI VĂN TIẾN	CPL	58/823.396	33rd Bn
LE VĂN NGÂN	1CPL	70/108.326	33rd Bn
NGUYỄN VIỆT TU	CPL	70/112.796	38th Bn
PHẠM VĂN CHỢI	PVT	71/135.001	38th Bn
TRẦN VĂN HỮU	1CPL	62/157.342	Recon Co



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Công Đề
Last Middle First

Current Address: K1/B 74 Hiệp Thành TX. Thủ Đức - 1 Sông Bé

Date of Birth: 18 Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 09/20/74 To 12/9/80
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

NATIONAL OFFICE
IMMIGRATION AND REFUGEE SERVICES
1312 MASS. AVE. N.W.
WASHINGTON D.C. N.W.
ATTN: U.S.A.

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

THE PURPOSE OF THIS FORM IS TO IDENTIFY PERSONS WHO ARE
ARE OR WERE FORMERLY INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP IN VIETNAM
SO THAT ELIGIBILITY FOR US ADMISSION VIA THE OEP CAMP CAN BE
ESTABLISHED :

APPLICANT IN VIETNAM

NAME : ĐE NGUYEN CONG SERVICE NUMBER: 68/143447

RANK : 1 Lieutenant

FUNCTION : compagnie commander

CURRENT ADDRESS : K1/B74 T3'1, Hiệp Thành, TX Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh
Đang sống ở

DATE OF BIRTH : 10-05-1948

NAME OF ACCOMPANYING RELATIVE DEPENDANT :

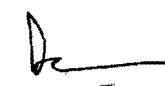
SANG PHAN-THI N8 1953

THUY NGUYEN-PHONG con 1982

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP : 06 năm 03 tháng

FROM : 20-09-1974 TO : 09-12-1980

SIGNATURE OF THE APPLICANT:


Đe Nguyễn Công

3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100 101 102 103 104 105 106 107 108 109 110 111 112 113 114 115 116 117 118 119 120 121 122 123 124 125 126 127 128 129 130 131 132 133 134 135 136 137 138 139 140 141 142 143 144 145 146 147 148 149 150 151 152 153 154 155 156 157 158 159 160 161 162 163 164 165 166 167 168 169 170 171 172 173 174 175 176 177 178 179 180 181 182 183 184 185 186 187 188 189 190 191 192 193 194 195 196 197 198 199 200 201 202 203 204 205 206 207 208 209 210 211 212 213 214 215 216 217 218 219 220 221 222 223 224 225 226 227 228 229 230 231 232 233 234 235 236 237 238 239 240 241 242 243 244 245 246 247 248 249 250 251 252 253 254 255 256 257 258 259 260 261 262 263 264 265 266 267 268 269 270 271 272 273 274 275 276 277 278 279 280 281 282 283 284 285 286 287 288 289 290 291 292 293 294 295 296 297 298 299 300 301 302 303 304 305 306 307 308 309 310 311 312 313 314 315 316 317 318 319 320 321 322 323 324 325 326 327 328 329 330 331 332 333 334 335 336 337 338 339 340 341 342 343 344 345 346 347 348 349 350 351 352 353 354 355 356 357 358 359 360 361 362 363 364 365 366 367 368 369 370 371 372 373 374 375 376 377 378 379 380 381 382 383 384 385 386 387 388 389 390 391 392 393 394 395 396 397 398 399 400 401 402 403 404 405 406 407 408 409 410 411 412 413 414 415 416 417 418 419 420 421 422 423 424 425 426 427 428 429 430 431 432 433 434 435 436 437 438 439 440 441 442 443 444 445 446 447 448 449 450 451 452 453 454 455 456 457 458 459 460 461 462 463 464 465 466 467 468 469 470 471 472 473 474 475 476 477 478 479 480 481 482 483 484 485 486 487 488 489 490 491 492 493 494 495 496 497 498 499 500 501 502 503 504 505 506 507 508 509 510 511 512 513 514 515 516 517 518 519 520 521 522 523 524 525 526 527 528 529 530 531 532 533 534 535 536 537 538 539 540 541 542 543 544 545 546 547 548 549 550 551 552 553 554 555 556 557 558 559 560 561 562 563 564 565 566 567 568 569 570 571 572 573 574 575 576 577 578 579 580 581 582 583 584 585 586 587 588 589 590 591 592 593 594 595 596 597 598 599 600 601 602 603 604 605 606 607 608 609 610 611 612 613 614 615 616 617 618 619 620 621 622 623 624 625 626 627 628 629 630 631 632 633 634 635 636 637 638 639 640 641 642 643 644 645 646 647 648 649 650 651 652 653 654 655 656 657 658 659 660 661 662 663 664 665 666 667 668 669 670 671 672 673 674 675 676 677 678 679 680 681 682 683 684 685 686 687 688 689 690 691 692 693 694 695 696 697 698 699 700 701 702 703 704 705 706 707 708 709 710 711 712 713 714 715 716 717 718 719 720 721 722 723 724 725 726 727 728 729 730 731 732 733 734 735 736 737 738 739 740 741 742 743 744 745 746 747 748 749 750 751 752 753 754 755 756 757 758 759 760 761 762 763 764 765 766 767 768 769 770 771 772 773 774 775 776 777 778 779 780 781 782 783 784 785 786 787 788 789 790 791 792 793 794 795 796 797 798 799 800 801 802 803 804 805 806 807 808 809 810 811 812 813 814 815 816 817 818 819 820 821 822 823 824 825 826 827 828 829 830 831 832 833 834 835 836 837 838 839 840 841 842 843 844 845 846 847 848 849 850 851 852 853 854 855 856 857 858 859 860 861 862 863 864 865 866 867 868 869 870 871 872 873 874 875 876 877 878 879 880 881 882 883 884 885 886 887 888 889 890 891 892 893 894 895 896 897 898 899 900 901 902 903 904 905 906 907 908 909 910 911 912 913 914 915 916 917 918 919 920 921 922 923 924 925 926 927 928 929 930 931 932 933 934 935 936 937 938 939 940 941 942 943 944 945 946 947 948 949 950 951 952 953 954 955 956 957 958 959 960 961 962 963 964 965 966 967 968 969 970 971 972 973 974 975 976 977 978 979 980 981 982 983 984 985 986 987 988 989 990 991 992 993 994 995 996 997 998 999 1000 1001 1002 1003 1004 1005 1006 1007 1008 1009 1010 1011 1012 1013 1014 1015 1016 1017 1018 1019 1020 1021 1022 1023 1024 1025 1026 1027 1028 1029 1030 1031 1032 1033 1034 1035 1036 1037 1038 1039 1040

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

2507 1 21 14.00 11

4.15.11

SUMED : 0007.70.0781.2

CHUYÊN RA TRẠI

Theo thông tư 100-10-CT 11 ngày 21-3-1961 của Bộ Nội vụ;

Phi bản in, văn quyết định thay số 10BV/80 ngày 10 tháng 10 năm 1980.

China, 1990-1999

Nay cô giáo tha cho anh, ghi rõ tên sau đây :

Họ, tên khai sinh: Trần Văn Tuấn

Họ, tên thường gọi

He can be found

Sinh ngày 1 tháng 1 năm 1940

born sinh. 1942, 11, 21, 21, 21, Binh Dong

Nơi đồng ý cho người thường trú trước khi đi bắt: _____

10572 0-2-1959 FROM, CHU TRAN 30-10-59

Can you find in that old trunk

Bị bắt ngày: 01-11-2014 tại địa điểm: An phước 243

Theo quyết định của văn phòng ngày 11 tháng 1 năm 1978 của Bộ Nội Vụ

Đã bị tang... năm, cộng thành... năm... Tổng...

Đã được kiểm tra lần, cộng thành lần và tháng năm 1961.

Này về ~~đến~~ ^{đến} 15,2 ấp 2 ~~ấp thành, chôn thành, Sơn, bé~~.

Nhận xét qua tranh của tạo

Đã thông: Chưa có biên bản, bổu, tin tưởng vào sự

tiểu dân của đất nước ta. Lao động có nhiều cố gắng.

Ngày: 12/01/2024

đề xuất các giải pháp và
về chất lượng công việc đạt được

Đến nay, hệ thống chính trị được củng cố và phát triển. Hệ thống chính trị

1. The first step in the process of identifying a problem is to recognize that a problem exists. This involves gathering information about the situation and identifying the specific issue that needs to be addressed.

[Faint, illegible handwritten notes]

Ngày 9 tháng 12 năm 1980

[Faint handwritten notes at the bottom of the page]

10375

CONFIDENTIAL

100-443887-100

1

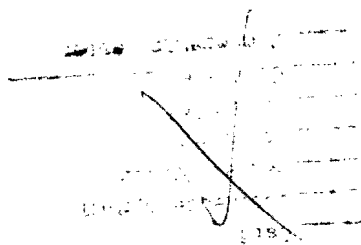
10

những bị thất bại. Cuộc sống ngày
càng khổ khăn nên giữa năm 1984
cháu được người quen đem vào
làm CN hợp đồng cho một cơ quan
nơi địa phương này. Mang tiếng
là CN nhưng ở đây lại muốn cho
nghỉ hưu nào cũng được.

Tây hôm nay cháu gọi cho cô
là chú này như cô xem xét như
vậy cháu có đủ điều kiện
được bảo lãnh của Mỹ theo chứng
tỉnh S. D. P không? Nếu được cô
cố gắng giúp đỡ cho cháu sang
Mỹ càng sớm càng tốt hoặc nếu
không có làm ở cho cháu hết
lúc này.

Thành thật cảm ơn cô nhiều
cháu cô.

42



CONFIDENTIAL

~~04P7/21/89~~

CONFIDENTIAL

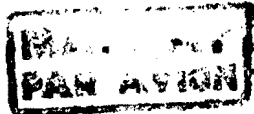
CONFIDENTIAL
 Date of Birth: 09/14/80
 Date of Death: 20/10/89
 Date of Burial: 20/10/89
 Date of Cremation: 20/10/89
 Date of Interment: 20/10/89
 Date of Burial: 20/10/89
 Date of Cremation: 20/10/89
 Date of Interment: 20/10/89

10/4/89

1. Tom Kieu - 0 - Nguyên công đệ - Tang úy bị bắt 2 lần. Lần cuối bị bắt tháng 9/74 và được thả 09/11/80 (Có CKT - tiền 6 ngàn) đã nộp hồ sơ Tắt tội để đi theo đến 10 ngàn 20/10/89 -

2. Nhân vật & địa điểm - Trong hồ sơ 0 chứa ghi chú của các HO nào? hồ sơ từ năm 1989 tại tỉnh. Có kẻ giả mạo đã đi về. Hồ nhân vật của 1/4 gia đình v.v. ngày 2/5/90. 0 chứa và 0 bất liên hệ hồ sơ từ năm 1990 - để ghi lại -

FROM: Ng^o công-tê
K1/B74 Hiệp Thành
T.X. Thủ Đức một lần bé.



A.

MS 5 5

TO: KHUẾ-MINH-THU
P.O. BOX 5454 ARLINGTON
V.A 22205-0635
U.S.A.

15g = 10h80